| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THĂNG BÌNH**<br>**TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **79**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2023
*"V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Võ Văn Thể.

*Các Hội thẩm nhân dân*: + Bà Nguyễn Thị Liên.

+ Ông Nguyễn Công Phúc.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 343/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc*"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1999; có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Tú L, sinh năm: 1998; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Ngọc L trình bày:* Chị và anh L xây dựng gia đình năm 2019, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Thăng Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 16/9/2019; việc kết hôn của vợ chồng chị là tự nguyện. Sau khi cưới nhau, chị và anh L về nhà ba mẹ chồng tại thôn Q, xã B, huyện T sinh sống nhưng được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau và anh L đánh đập chị nhiều lần khi chị đang mang thai và anh L còn chơi bời, nhậu nhẹt, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ con nên chị về nhà mẹ đẻ sinh sống. Trong thời gian chị nuôi con đến nay, anh L lâu lâu mới đến thăm con một lần nhưng không quan tâm đến vợ con và không đưa tiền để chị nuôi con. Nay chị

nhận thấy tình cảm giữa chị và anh L không còn, hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung tên Đặng Tú C, sinh ngày: 28/3/2020. Khi ly hôn, chị nguyên vọng được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn – anh Đặng Tú L:* Không hợp tác với Tòa án, vắng mặt tại tất cả các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại các phiên tòa nên không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Đặng Tú L và giao cháu Đặng Tú C, sinh ngày: 28/3/2020 cho chị L nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Đặng Tú L tại tổ 3, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Chị L yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn – anh Đặng Tú L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới nhau, chị L và anh L về sống cùng với nhà ba mẹ chồng được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc;

theo chị L nguyên nhân là do trong thời gian chị mang thai, anh L nhiều lần đánh đập chị và ham chơi, cờ bạc; không quan tâm đến gia đình, vợ con nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và nuôi con. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh L và vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên chị yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L đều vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị L và anh L đã không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh L không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ cần chấp nhận và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị L và anh L có 01 con chung tên Đặng Tú C, sinh ngày: 28/3/2020. Chị L có nguyện vọng được nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án anh L vắng mặt nên không có ý kiến gì về con chung. Hiện nay, cháu Đặng Tú C đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Tiên chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu Tiên; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao cháu Tiên cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc L phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*.

**1**. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Đặng Tú L.

**2**. Về con chung: Giao cháu Đặng Tú C, sinh ngày: 28/3/2020 cho chị Nguyễn Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3**. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006136 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

**4.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- UBND xã B, huyện Thăng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Võ Văn Thể**